TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1491/2026/DS-ST
Ngày: 21/7/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng
2. Bà Thái Thục Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 tham gia phiên tòa:Ông Võ Kim Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 939/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2769/2026/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3105/2026/QĐST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần S1

(Tên mới là Ngân hàng thương mại cổ phần S2)

Trụ sở chính: Số B đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S1, địa chỉ: Số B đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh có đại diện hợp pháp là ông Trần Gia T là đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 2590.2026.UQ-SACOMBANK.SBA ngày 23/6/2026 (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Đào Thanh S, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: số B P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 09/5/2023, các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (tên mới là Ngân hàng

thương mại cổ phần S2) có người đại diện hợp pháp là ông Trần Gia T trình bày như sau:

Ngày 23/05/2017, ông Đào Thanh S có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (tên mới là Ngân hàng thương mại cổ phần S2) (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ V số 436438-1273, nội dung cụ thể như sau:

- Hạn mức sử dụng thẻ tín dụng là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng);

- Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân;

- Lãi suất trong hạn là 2,4% tháng; lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại; hiện tại lãi suất áp dụng là 3,6%/tháng;

- Phí gồm có: Phí trễ hạn; Phí vượt hạn mức; Phí hàng năm (phí thường niên); Phí rút tiền mặt…;

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông S phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 297.785.791 đồng. Trong thời gian sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến ngày 10/10/2023, ông S đã thanh toán số tiền 298.371.812 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Do ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên từ ngày 01/07/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 54.949.152 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Sau đó, vào tháng 11/2021 ông S thanh toán thêm vào thẻ tín dụng số tiền 1.590.112 đồng nên nợ gốc của ông S hiện còn lại là 35.359.040 đồng.

Tính đến ngày 21/7/2026, ông S còn nợ các khoản sau: Nợ gốc là 53.359.040 đồng; Nợ lãi quá hạn là 118.555.273 đồng. Tổng cộng là 171.914.313 đồng.

Nay, Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (tên mới là Ngân hàng thương mại cổ phần S2) yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc ông Đào Thanh S phải trả ngay cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 23/5/2017 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng tổng

cộng là 171.914.313 đồng trong đó nợ gốc là 53.359.040 đồng; Nợ lãi quá hạn là 118.555.273 đồng (tính đến ngày 21/7/2026).

- Buộc ông Đào Thanh S tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh từ ngày 22/7/2026 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 23/05/2017 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Bị đơn là ông Đào Thanh S được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự để trình bày ý kiến, thông báo và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông S vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là Ngân hàng có người đại diện hợp pháp là ông Trần Gia T vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bị đơn là ông Đào Thanh S được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông S vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án đến khi đưa ra xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Xét, đơn khởi kiện của nguyên đơn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ký ngày 23/05/2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (tên mới là Ngân hàng thương mại cổ phần S2) với ông Đào Thanh S, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng thẻ. Do bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Nguyên đơn do ông Trần Gia T là đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Ông Đào Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (tên mới là Ngân hàng thương mại cổ phần S2) yêu cầu ông Đào Thanh S phải thanh toán số tiền còn thiếu là là 171.914.313 đồng trong đó nợ gốc là 53.359.040 đồng; Nợ lãi quá hạn là 118.555.273 đồng (tính đến ngày 21/7/2026). Thanh toán một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là ông Đào Thanh S đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự để trình bày ý kiến, thông báo và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông S vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án. Như vậy, ông S đã từ bỏ việc thực hiện quyền cung cấp chứng cứ, chứng minh, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án giải quyết vụ án trên cơ sở chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 23/05/2017, Ngân hàng và ông Đào Thanh S đã ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (tên mới là Ngân hàng thương mại cổ phần S2) với hạn mức sử dụng thẻ tín dụng là 50.000.000 (Năm mươi lăm triệu) đồng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2,15% tháng, lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, lãi suất trong hạn áp dụng hiện tại là 2.4%/tháng, phí gồm có: Phí trễ hạn; Phí vượt hạn mức; Phí thường niên; Phí rút tiền mặt... Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 297.785.791 đồng. Trong thời gian sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến ngày 01/7/2021 ông S đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 298.371.812 đồng. Đến tháng 11/2021 ông S thanh toán thêm vào thẻ tín dụng số tiền 1.590.112 đồng, số tiền này được trừ vào nợ gốc nên nợ gốc ông S còn nợ là 53.359.040 đồng. Từ tháng 12/2021 cho đến nay, ông S không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng.

Xét thấy tiền lãi vay, lãi suất và các tiền phí được Ngân hàng xác định đúng theo thỏa thuận của các bên tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ký ngày 23/05/2017 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S1; biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S3 phát hành tại Việt Nam của Ngân hàng và phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Việc ông S đã sử dụng thẻ tín dụng do Ngân hàng cấp để thanh toán tiêu dùng cá nhân nhưng không thanh toán đầy đủ nợ gốc và các khoản phí, tiền lãi đúng thời hạn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa các bên. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S phải thanh toán một lần cho Ngân hàng

toàn bộ số nợ còn thiếu tổng cộng là 171.914.313 đồng, trong đó nợ gốc là 53.359.040 đồng; Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 21/7/2026 là 118.555.273 đồng; đồng thời phải tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh từ ngày 22/7/2026 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ký ngày 23/05/2017 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (tên mới là Ngân hàng thương mại cổ phần S2) là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 280, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Ý kiến phát biểu về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông Đào Thanh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 90 và Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 280, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (tên mới là Ngân hàng thương mại cổ phần S2):

Buộc ông Đào Thanh S có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (tên mới là Ngân hàng thương mại cổ phần S2) toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 21/7/2026 là 171.914.313 (Một trăm bảy mươi mốt triệu chín trăm mười bốn nghìn ba trăm mười ba) đồng, trong đó nợ gốc là 53.359.040 đồng và nợ lãi quá hạn là 118.555.273 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 22/7/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ, ông Đào Thanh S phải tiếp tục thanh toán tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ký ngày 23/05/2017 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (tên mới là Ngân hàng thương mại cổ phần S2).

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 8.595.716 (Tám triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm mười sáu) đồng ông Đào Thanh S phải chịu, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (tên mới là Ngân hàng thương mại cổ phần S2) được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.841.637 (Ba triệu tám trăm bốn mươi mốt nghìn sáu trăm ba mươi bảy) đồng theo biên lai thu tiền số 0004882 ngày 15/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (tên mới là Ngân hàng thương mại cổ phần S2) và ông Đào Thanh S có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 34, 36 và Điều 71 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 10;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.



Doãn Thị Nga